

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 12/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 13h00 * Ngày thi: 21/12/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	29206759011	Hà Thị Lý	Anh	19/06/2005	Bình Định	31THT13	H	H	Không Đạt	
2	28208200774	Trần Thị Minh	Anh	04/12/2004	Bình Định	31SYC6	10.0	5.8	Đạt	
3	28205206909	Lê Ra	Ayun	17/03/2004	Đắk Lắk	31THT13	8.0	4.0	Không Đạt	
4	28218003890	Trần Phạm Gia	Bảo	20/07/2004	Quảng Nam	31CSC6	7.7	3.8	Không Đạt	
5	28204602460	Dương Bảo	Châu	10/01/2004	Quảng Ngãi	31SSC6	9.0	7.3	Đạt	
6	28203603700	Võ Thị Lan	Châu	08/06/2004	Quảng Nam	31SSC6	6.0	7.0	Đạt	
7	29204355233	Bùi Thị Tổ	Chi	29/03/2005	Quảng Nam	31THT13	7.7	3.0	Không Đạt	
8	28203541399	Lê Thị Linh	Chi	07/11/2004	Quảng Trị	31SSC6	6.7	7.3	Đạt	
9	28204354936	Nguyễn Thị Kim	Chi	10/04/2004	Hà Tây	31THT13	9.3	6.8	Đạt	
10	29214623028	Nguyễn Đức Duy	Đan	02/11/2005	Quảng Ngãi	31CSC6	6.7	3.5	Không Đạt	
11	27202934693	Lương Thị	Diệp	19/12/2003	Hà Tĩnh	31TBN2	5.0	5.0	Đạt	
12	28206602051	Lê Thị Huyền	Diệu	11/06/2004	Đà Nẵng	31THT13	7.0	5.0	Đạt	
13	28204601749	Nguyễn Thị Bích	Diệu	09/07/2004	Bình Định	31SSC6	9.3	5.0	Đạt	
14	28206504631	Hồ Thị Mỹ	Dung	17/07/2004	Đắk Lắk	31SSC6	9.0	10.0	Đạt	
15	28218105696	Lê Hoàng	Duy	03/06/2004	Đà Nẵng	31SSC6	6.0	1.8	Không Đạt	
16	28208103584	Phạm Thị Mỹ	Duyên	09/10/2004	Đắk Lắk	31SSC6	9.0	4.0	Không Đạt	
17	27202133649	Ngô Thị	Giang	16/09/2003	Quảng Ngãi	30CYC4	5.3	4.0	Không Đạt	
18	29204455077	Nguyễn Khánh	Giang	15/05/2005	Đà Nẵng	31SYC6	7.3	8.0	Đạt	
19	28214552879	Nguyễn Trường	Giang	09/11/2004	Quảng Trị	31SYC6	9.7	5.5	Đạt	
20	28208151980	Phan Ngọc Xuân	Hân	01/10/2004	Bình Định	31SSC6	7.0	3.3	Không Đạt	
21	28209446141	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	11/12/2004	Bình Định	31SYC6	8.7	9.0	Đạt	
22	29206524141	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	01/06/2001	Đà Nẵng	31THT13	9.7	7.3	Đạt	
23	28217538423	Ngô Duy	Hậu	28/03/2004	Đà Nẵng	31CYC7	7.7	6.3	Đạt	
24	28204306169	Trần Thị Ngọc	Hiếu	07/03/2004	Bình Định	31SSC6	8.0	6.0	Đạt	
25	28214425119	Võ Phước	Hiệu	20/07/2004	Quảng Trị	31THT13	7.0	3.8	Không Đạt	
26	28212751825	Trần Việt	Hùng	18/09/2004	Bình Định	31SSC6	8.0	5.3	Đạt	
27	27202800585	Bùi Thị	Huyền	13/03/2003	Hà Tĩnh	30CHT1	6.3	2.5	Không Đạt	
28	29206720448	Đinh Thị Diệu	Huyền	05/09/2005	Gia Lai	31THT13	7.7	5.0	Đạt	
29	27203001346	Nguyễn Ngọc Khánh	Huyền	09/04/2003	Đắk Lắk	30CHT7	7.7	5.0	Đạt	
30	27203727127	Trần Uyển	Khanh	22/09/2003	Quảng Trị	31TSC1	4.0	5.0	Không Đạt	
31	27217201149	Trần Bảo	Khánh	23/08/2003	Đắk Lắk	30CBN12	5.3	0.0	Không Đạt	
32	28208201156	Tổng Thị Mỹ	Lệ	10/01/2004	Bình Định	31SYC6	6.3	5.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28206500883	Võ Thị Gia	Luu	03/10/2004	Quảng Nam	31THT2	7.0	6.0	Đạt	
34	28207247210	Nguyễn Thị Diễm	Ly	17/06/2003	Gia Lai	31SYC6	7.7	5.8	Đạt	
35	28208201878	Đặng Thị My	My	21/02/2004	Quảng Ngãi	31SYC6	9.7	6.8	Đạt	
36	28204822751	Nguyễn Hạ	My	18/11/2004	Quảng Nam	31SYC6	8.7	8.8	Đạt	
37	28208103017	Dương Thị Ngọc	Mỹ	01/01/2003	Quảng Ngãi	31THT13	0.0	0.0	Không Đạt	
38	28205236715	Nguyễn Thị Tố	Nga	05/07/2004	Quảng Nam	31TYC1	6.7	2.8	Không Đạt	
39	28204953969	Huỳnh Phúc	Ngân	13/01/2004	Phú Yên	29CBN6	9.0	5.0	Đạt	
40	28209406385	Nguyễn Kim	Ngân	25/01/2004	Gia Lai	31THT13	7.0	4.3	Không Đạt	
41	28208054729	Nguyễn Thị Việt	Ngân	09/02/2004	Phú Yên	31SYC6	8.0	5.0	Đạt	
42	28204304990	Phan Lê Bảo	Ngọc	18/03/2004	Đà Nẵng	31THT13	7.7	9.3	Đạt	
43	28204405245	Trần Thị Bích	Ngọc	14/04/2004	Đắk Lắk	31SYC6	5.0	4.0	Không Đạt	
44	28204154940	Võ Thị Thu	Nguyên	29/10/2004	Đà Nẵng	31SYC6	7.0	9.0	Đạt	
45	28204602765	Nguyễn Ngọc	Nhi	23/07/2004	Quảng Trị	31SYC6	4.7	5.5	Không Đạt	
46	28208005760	Nguyễn Thị Phương	Nhi	04/02/2004	Quảng Trị	31SYC6	8.0	5.3	Đạt	
47	28206604259	Nguyễn Trương Yến	Nhi	26/10/2004	Đà Nẵng	31THT13	9.0	5.0	Đạt	
48	28208022928	Trần Thị Yến	Nhi	03/04/2004	Gia Lai	31THT13	7.7	5.0	Đạt	
49	28208005201	Phan Nguyễn Quỳnh	Như	29/04/2004	Đà Nẵng	31SSC6	6.0	2.3	Không Đạt	
50	29204634908	Thượng Tô Mỹ	Như	18/09/2005	Quảng Ngãi	31SSC6	7.3	5.5	Đạt	
51	28202704925	Nguyễn Thị	Nhung	20/10/2004	Thừa Thiên H	31CBN6	8.7	5.5	Đạt	
52	27211348932	Võ Văn	Nhật	01/05/2003	Quảng Nam	31TSC8	9.7	5.5	Đạt	
53	29206522436	Lê Thị Hà	Phúc	18/08/2005	Hà Tĩnh	31THT13	9.3	5.0	Đạt	
54	27211342202	Nguyễn Trung	Phúc	26/09/2003	Quảng Ngãi	31SSC6	0.0	0.0	Không Đạt	
55	29204139811	Nguyễn Thị Minh	Phương	17/02/2005	Gia Lai	31SSC6	9.7	9.5	Đạt	
56	28214642420	Đoàn Minh	Quân	26/06/2004	Đà Nẵng	31THT13	8.7	5.1	Đạt	
57	28214643772	Võ Anh	Quân	30/03/2004	Hà Tĩnh	31THT13	10.0	8.8	Đạt	
58	28216235101	Phùng Việt	Quang	29/06/2004	Đà Nẵng	31SSC6	0.0	0.0	Không Đạt	
59	28204604412	Võ Thị Lệ	Quỳn	20/12/2004	Quảng Nam	31SYC6	10.0	8.3	Đạt	
60	28206254509	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	02/01/2004	Kon Tum	31SSC6	H	H	Không Đạt	
61	28208001719	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	14/10/2004	Đắk Nông	31THT13	6.7	5.4	Đạt	
62	28208026109	Trần Nguyễn Thanh	Tâm	01/09/2004	Quảng Nam	31SYC6	9.0	4.1	Không Đạt	
63	27202223776	Nguyễn Thị Thành	Tân	21/05/2003	Quảng Ngãi	30TYC3	4.7	5.3	Không Đạt	
64	28206502295	Nguyễn Thanh	Thảo	20/09/2004	Thanh Hóa	31THT10	5.0	5.5	Đạt	
65	29206565183	Nguyễn Thị Thu	Thảo	10/07/2005	Quảng Ngãi	31THT13	7.7	5.5	Đạt	
66	29218457241	Trịnh Quang	Thịnh	30/12/2005	Quảng Nam	31CYC4	7.7	5.5	Đạt	
67	28212750109	Trần Duy	Thoại	03/01/2004	Đà Nẵng	31SSC6	7.0	9.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28204606714	Dương Quỳnh	Thư	06/02/2004	Đà Nẵng	31SYC6	9.7	9.5	Đạt	
69	28205102580	Lê Thị Anh	Thư	04/05/2004	Quảng Nam	31SYC6	7.7	9.8	Đạt	
70	29206551025	Hồ Hoài	Thương	19/09/2005	Hà Tĩnh	31THT13	8.7	5.5	Đạt	
71	28207103209	Vũ Thị Thu	Thúy	26/05/2004	Bình Phước	31SYC6	6.7	5.0	Đạt	
72	28204350021	Lê Thị Thủy	Tiên	24/06/2004	Hà Tĩnh	31SSC6	7.0	3.0	Không Đạt	
73	28214402370	Đỗ Quốc	Tiến	22/07/2003	Lâm Đồng	31THT13	8.0	6.0	Đạt	
74	28219731142	Huỳnh Văn	Tiến	29/07/2004	Phú Yên	31SSC6	0.0	0.0	Không Đạt	
75	27202936124	Trần Thị Thanh	Tiền	26/07/2003	Phú Yên	31TBN2	7.3	2.5	Không Đạt	
76	28218151935	Phạm Quang	Tiếp	13/11/2004	Hưng Yên	31SSC6	7.3	1.0	Không Đạt	
77	27203735758	Dương Thùy	Trang	26/08/2003	Thanh Hóa	31TSC1	5.0	2.0	Không Đạt	
78	28204643774	Lê Thùy	Trang	06/12/2004	Hà Tĩnh	31THT13	9.7	9.8	Đạt	
79	28204850602	Nguyễn Lê Ngọc	Trang	20/05/2004	Đắk Lắk	31SYC6	9.0	4.5	Không Đạt	
80	28207100598	Phan Thị	Trang	08/05/2004	Quảng Bình	31TYC5	7.7	5.0	Đạt	
81	28206725679	Trần Thị Thùy	Trang	06/05/2004	Quảng Nam	31SYC6	0.0	0.0	Không Đạt	
82	28208142242	Trần Thị Thùy	Trang	22/01/2004	Đà Nẵng	31SYC6	7.0	6.3	Đạt	
83	29214361487	Võ Quốc	Trung	13/05/2005	Quảng Nam	31THT13	8.0	2.8	Không Đạt	
84	28209424381	Nguyễn Thị Minh	Trường	06/03/2004	Khánh Hòa	31SYC6	8.7	6.0	Đạt	
85	28208202598	Phan Thị Thu	Tuyền	20/08/2004	Đà Nẵng	31SYC6	0.0	0.0	Không Đạt	
86	28209445558	Trần Thị Phương	Tuyền	10/05/2004	Quảng Nam	31SYC6	10.0	5.8	Đạt	
87	28218042877	Huỳnh Ngọc	Tuyết	29/07/2004	Đà Nẵng	31THT13	4.3	2.5	Không Đạt	
88	28218100524	Lê Công	Viên	10/07/2004	Hà Tĩnh	31SSC6	5.7	8.3	Đạt	
89	28214650521	Lê	Vũ	17/11/2002	Quảng Nam	31THT13	7.7	3.8	Không Đạt	
90	28204900866	Nguyễn Thị Như	Ý	21/07/2004	Đắk Nông	31THT13	9.0	3.3	Không Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh